

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
quý 4 năm 2021 của Sở Nội vụ**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 4 năm 2021 của Sở Nội vụ:

- Nội dung công khai: Theo biểu đính kèm
- Hình thức công khai:
 - + Công khai tại cuộc họp cơ quan
 - + Công khai niêm yết tại bảng tin trụ sở làm việc
 - + Công khai trên trang thông tin điện tử Sở Nội vụ tại địa chỉ: "sonoivu.ninhbinh.gov.vn"

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở Nội vụ, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính
- Lưu: VT, VP. ✓

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Bình

Đơn vị: Văn phòng Sở Nội vụ

Chương: 435

CÔNG KHAI ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 33 /QĐ-SNV ngày 27 tháng 01 năm 2022)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán được giao năm 2021	Ước thực hiện quý 4 năm 2021	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí		72		
	Số thu phí hồ sơ thi nâng ngạch công chức		72		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		72		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	29.751	8.783	29	
1	Chi quản lý hành chính	27.252	7.514	27	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.226	1.490	28	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	7		0	
1.3	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	22.019	6.024	27	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	2.469	1.239	51	
2.1	Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức (gồm cả đào tạo ngắn hạn nước ngoài)	2.449	1.227	50	
2.2	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	20	12	60	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia	30	30	100	